

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HSST
Ngày: 26-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Hùng

Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2020/TLST-HS ngày 24/4/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Mai Thành E, sinh năm 1981; Tại B; Nơi cư trú: Tổ 9, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Mai Văn T, sinh năm: 1939; Con bà Trịnh Thị T, sinh năm 1949; Vợ Hoàng Thị D, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự: Không có; Tiền án: Ngày 18/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nhân thân: Ngày 31/5/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh B đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 4145/QĐUB về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 14/12/2005, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/5/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 50/2019/HSPT). Ngày 06/5/2013, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/02/2020 đến nay “Có mặt”.

- Bị hại:

Bà Lê Thị C, sinh năm 1989; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh B; Chỗ ở: Thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh B “Cố mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Mai Tuấn A, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 9, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh B “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 18/01/2020, Mai Thành E điều khiển xe mô tô hiệu Honda Click biển số 72S1-0018 đi từ nhà đến địa bàn huyện C, tỉnh B để lấy tiền nợ. Trên đường đi, E ghé vào quán cà phê “T” thuộc thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh B, để uống nước. E dừng xe ở gần cổng quán rồi đi bộ đến quầy thu ngân thì thấy cháu Nguyễn Quốc B đang xem ti vi nên hỏi “mẹ đâu” thì B trả lời “không biết”. Lúc này, E nhìn thấy cửa tủ ở phòng ngủ của bà Lê Thị C mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài. E đi vào phòng ngủ, kéo cửa tủ ra rồi lục trong chiếc giỏ xách màu hồng lấy được 145.000.000 đồng. Sau đó, E giấu số tiền trên vào trong áo rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng huyện L và tiêu xài hết số tiền trên.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh B, Mai Thành E đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 23/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố: Mai Thành E về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thành E mức án từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền 145.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Mai Thành E thừa nhận: Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 18/01/2020, tại quán cà phê “T” thuộc thôn Q, xã Đ, huyện C, tỉnh B, Mai Thành E đã lén lút trộm cắp được số tiền 145.000.000 đồng của bà Lê Thị C rồi tiêu xài cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận điều tra của Công an huyện C, với bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Mai Thành E đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo là người đã trưởng thành nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Chỉ vì lười lao động nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị hại được bị cáo thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, từ năm 2005 đến 2018 đã 5 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải có một bản án thật nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Về tình tiết tăng nặng: Lạm dụng quyền lực là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội, gia đình có công với cách mạng, cha là thương binh 2/4 nên cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Lời luận tội và mức án đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh B là có căn cứ pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường 145.000.000 đồng. Tại Tòa bị cáo Mai Thành E đồng ý bồi thường số tiền đã lấy trộm 145.000.000 đồng cho bà Lê Thị C. Xét việc thỏa thuận bồi thường trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bà C.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô hiệu Honda Click biển số 72S1-0018 của ông Mai Tuấn A là anh của E. Ông A không biết việc E điều khiển xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản, nên ngày 12/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho ông A.

Số tiền 145.000.000 đồng, E trộm cắp được đã tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu hồi được.

[9] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Tuấn A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Mai Thành E phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thành E phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Mai Thành E 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc Mai Thành E bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền là 145.000.000 đồng.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Mai Thành E nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2020), bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo mười lăm ngày áp dụng đối với những người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ khi nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Phòng PC06, PV10 Công an tỉnh B;
- VKS huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự h.C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Pho

